

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam

Ngày 30/06/2025	5,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.3%	71.2%	38.9%

DT thuần Q2/25
76.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.3 15.6%
YoY: ▼70.8 -48.2%

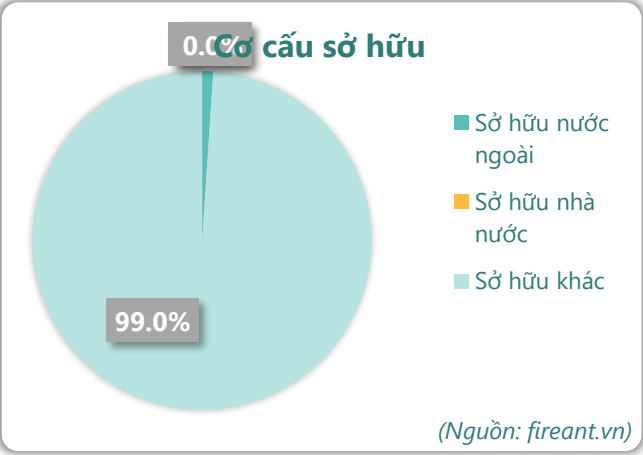
LN thuần Q2/25
-76.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼53.6 -230%
YoY: ▼4.40 -6.1%

LN sau thuế Q2/25
-81.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼57.8 -246%
YoY: ▼8.90 -12.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-57.6%
YoY: +/-▼ 68.2%

ROE (TTM) Q2/25
-30.9%
YoY: +/-▼ 2.5%

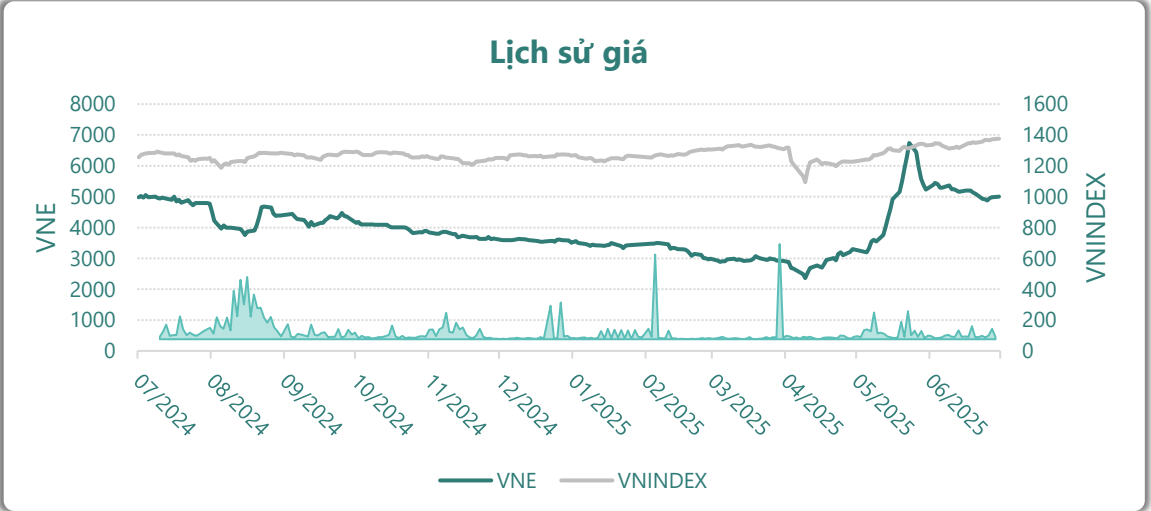
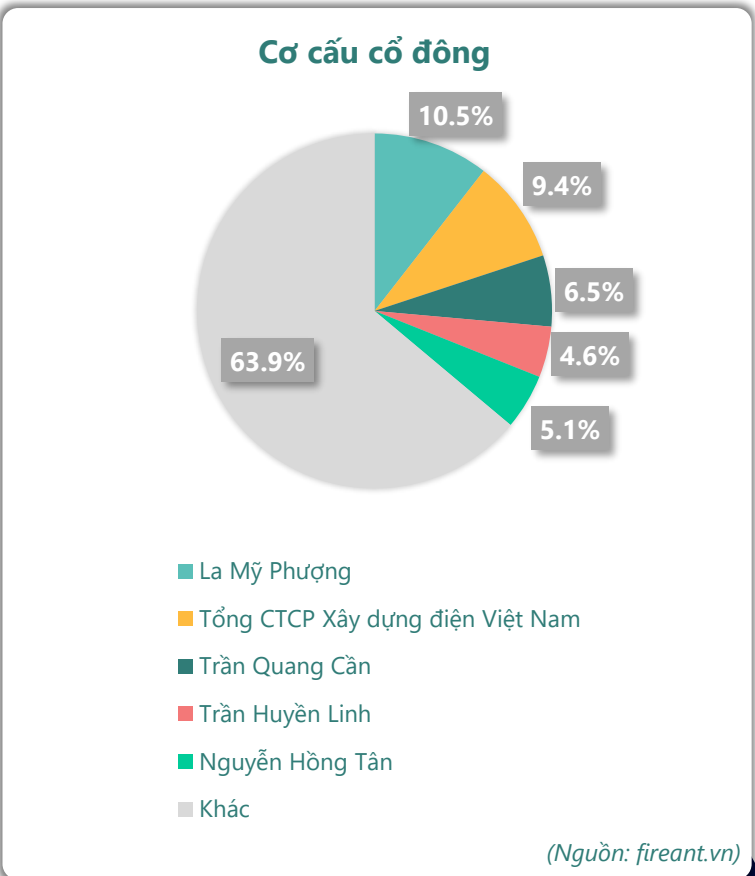
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,360 - 6,740
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	410
Số lượng CPLH (CP)	82,055,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)	364,960
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	1.01
EPS	-2,923
P/E	-1.7



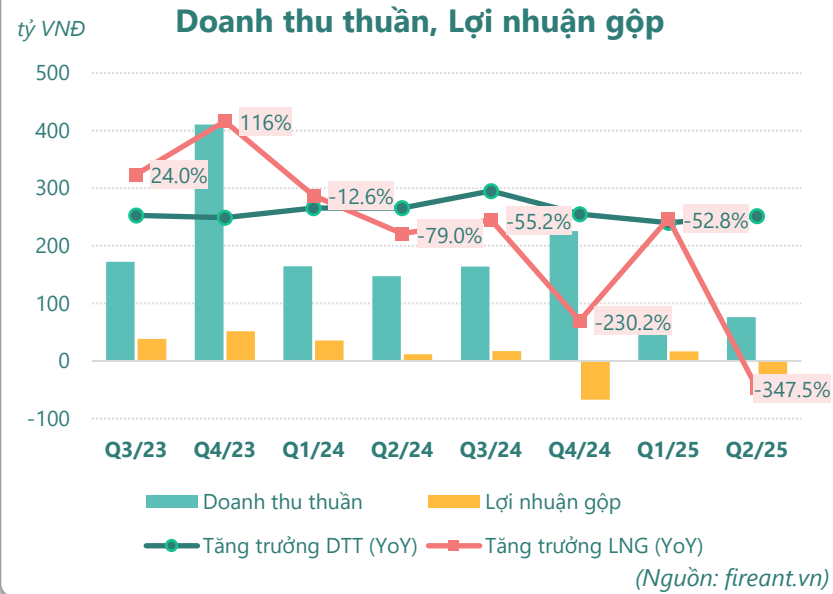
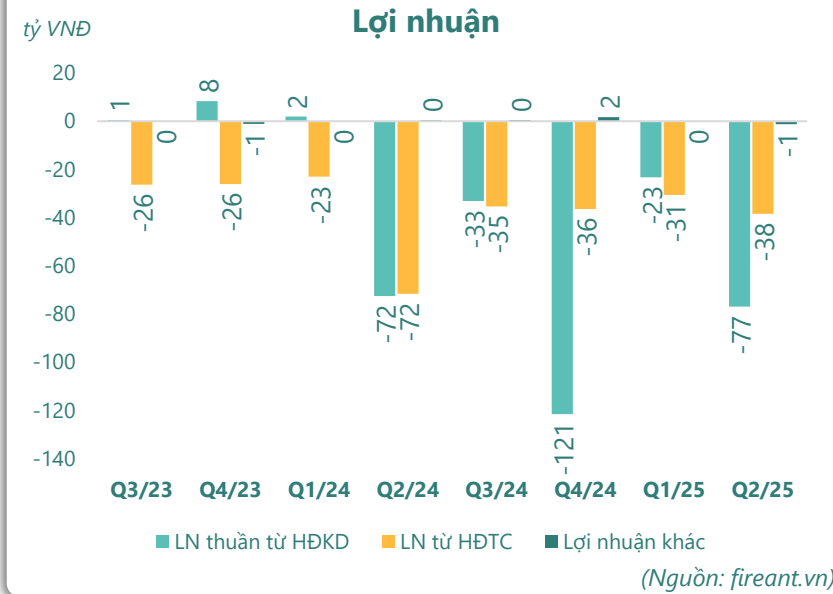
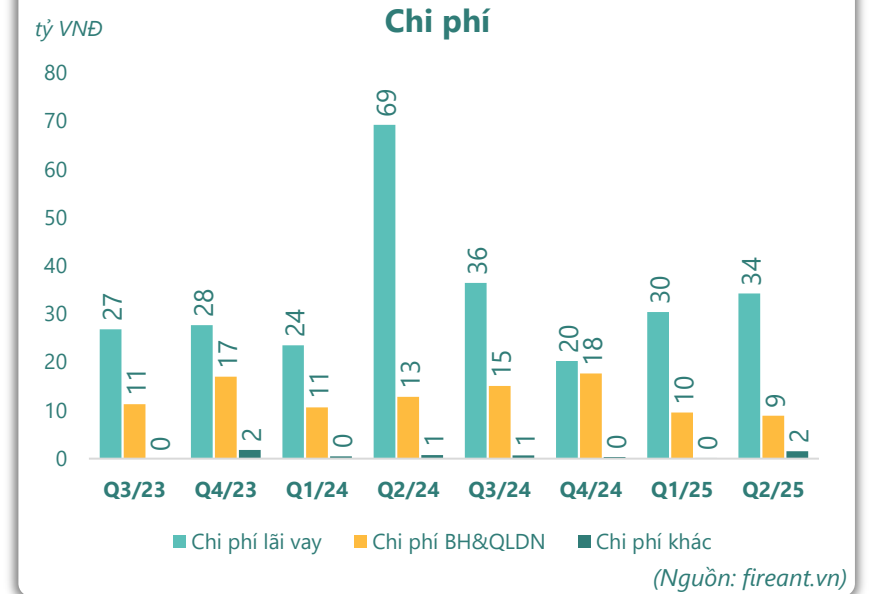
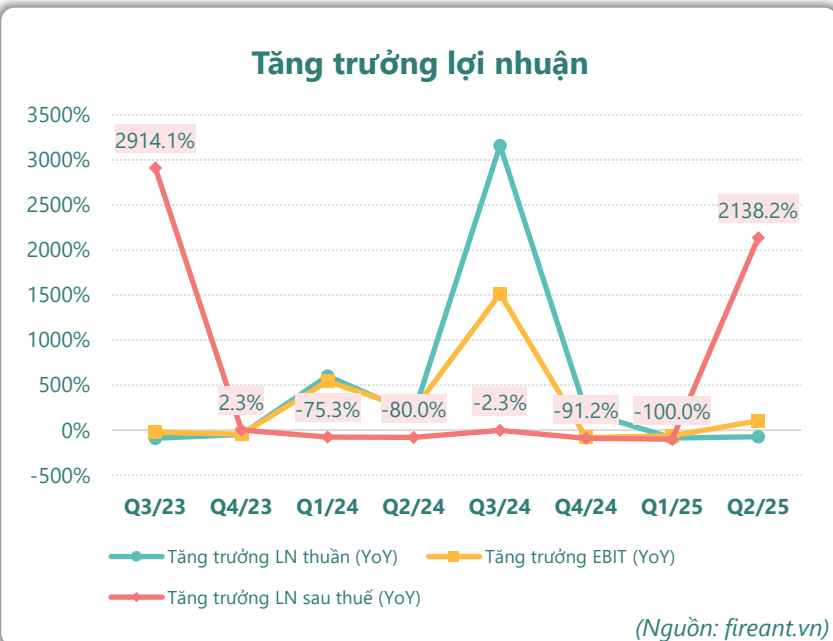
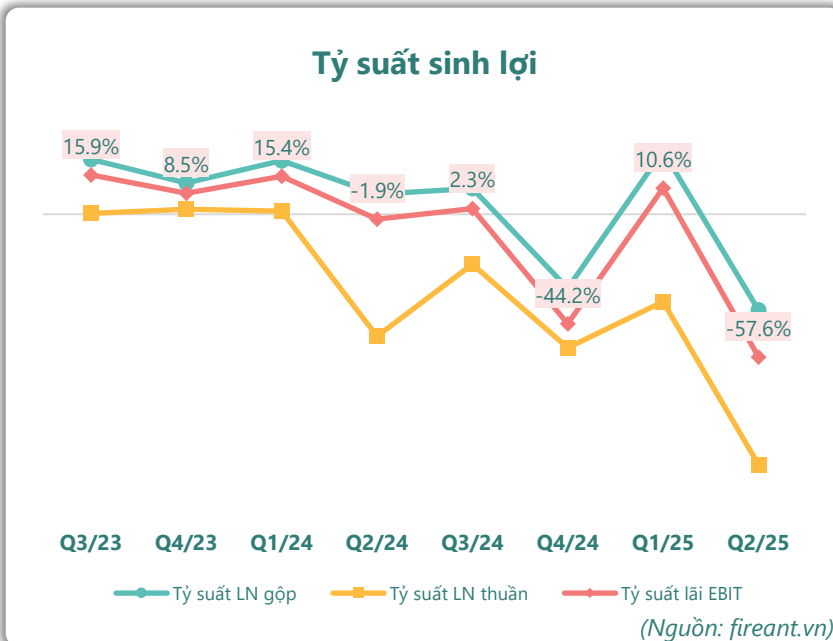
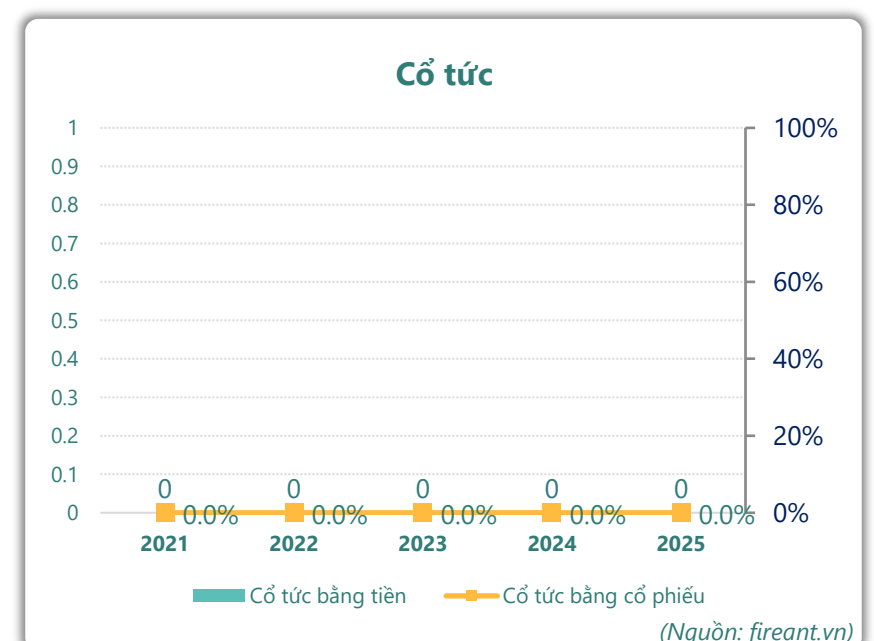
DT thuần 6T 2025
142
tỷ VNĐ
YoY: ▼170 -54.4%

LN thuần 6T 2025
-100
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.5 -42.1%

LN sau thuế 6T 2025
-105
tỷ VNĐ
YoY: ▼34.1 -47.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH



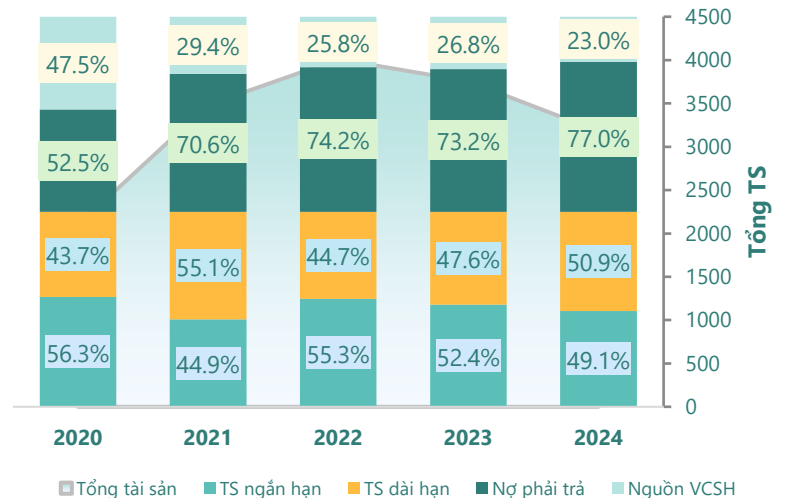


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

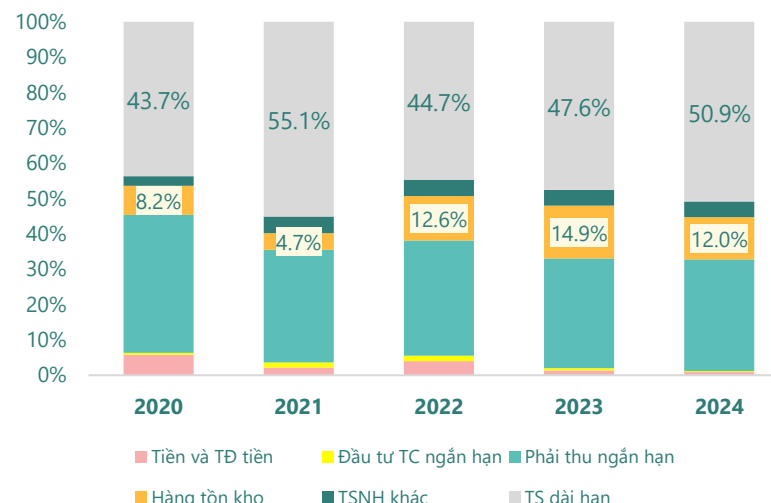
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

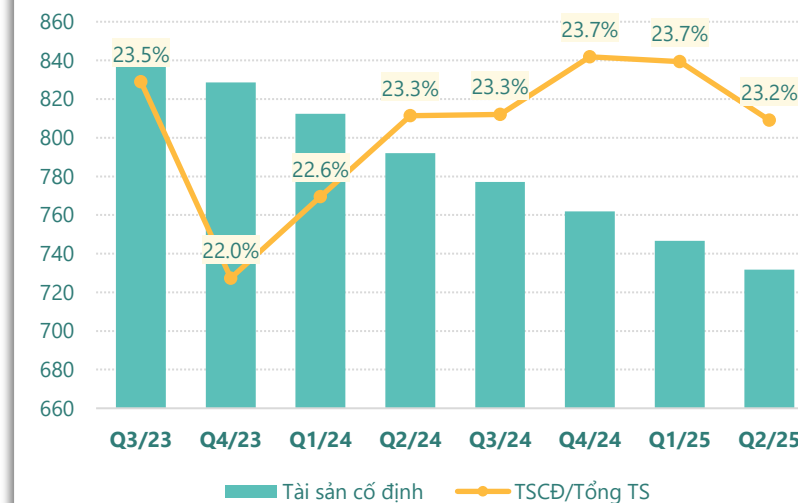
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

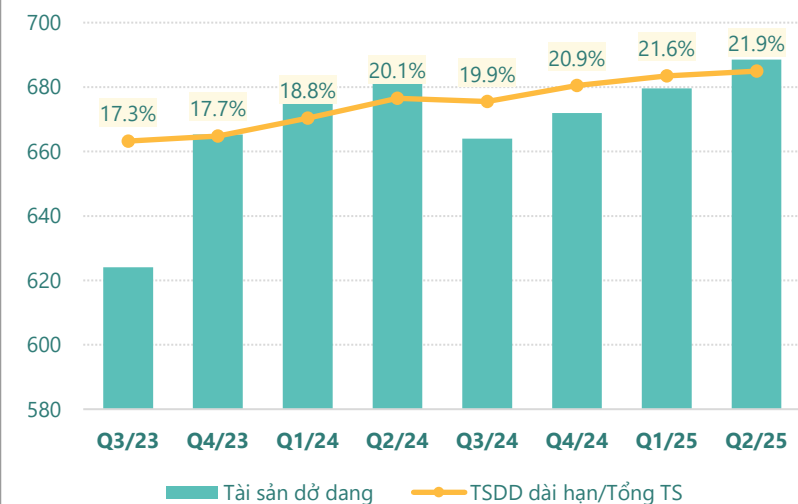
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

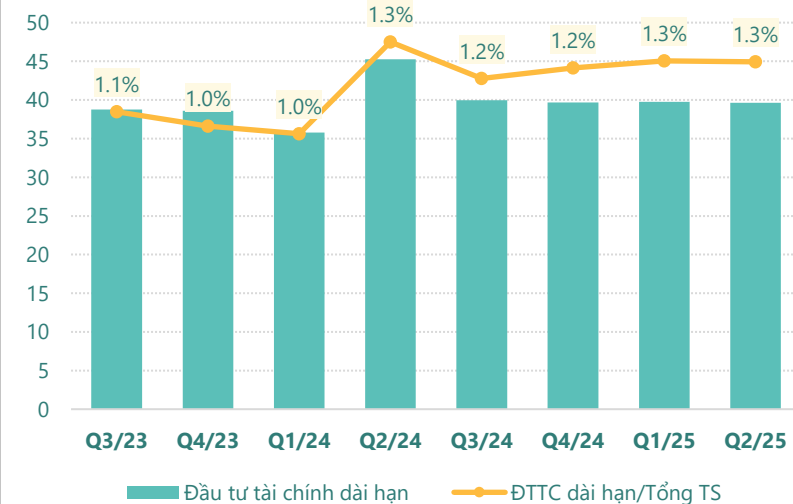
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

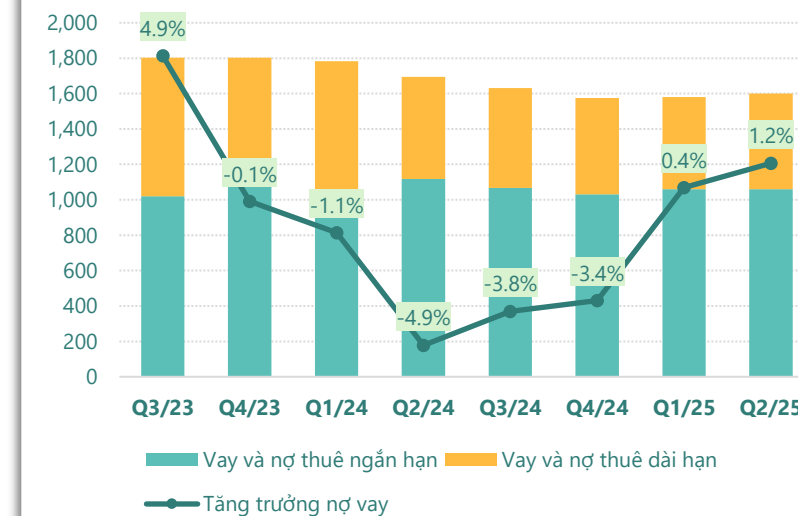
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

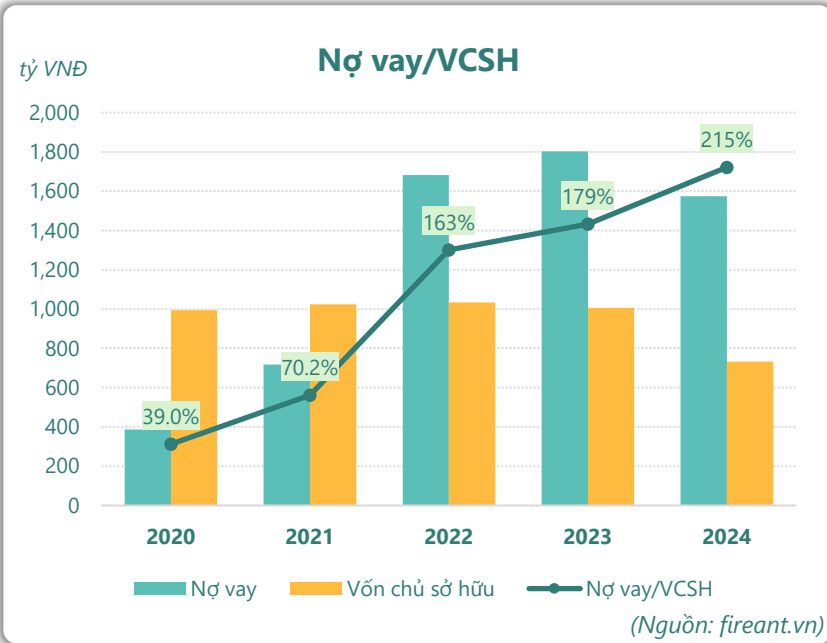
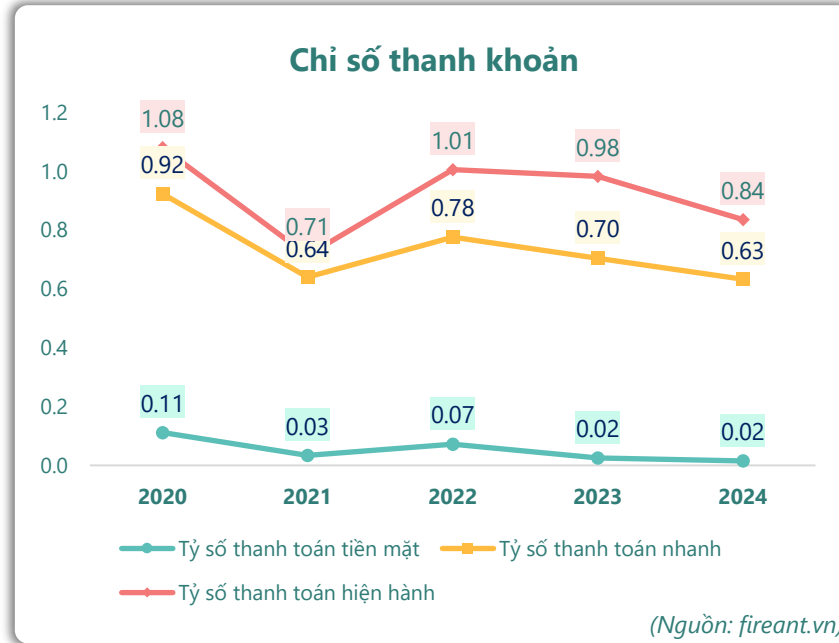
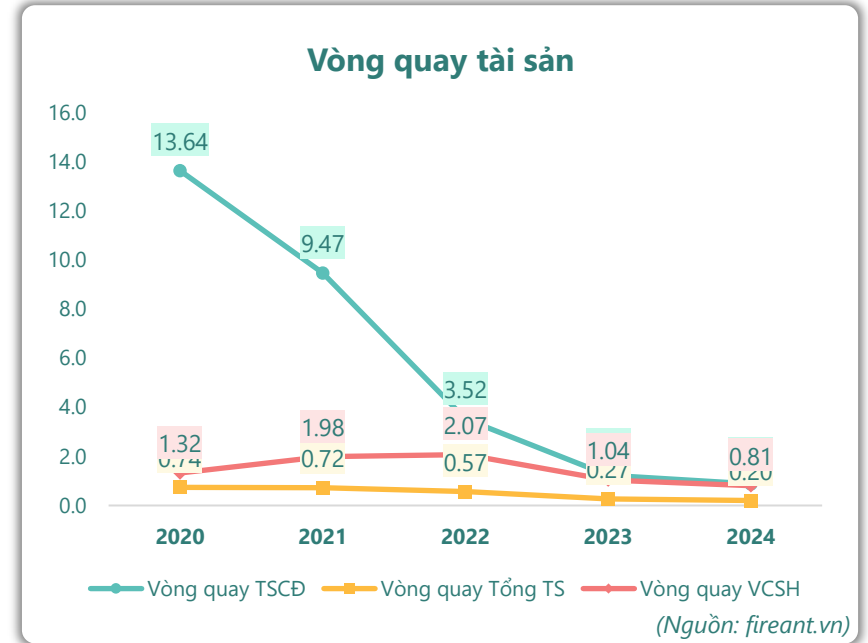
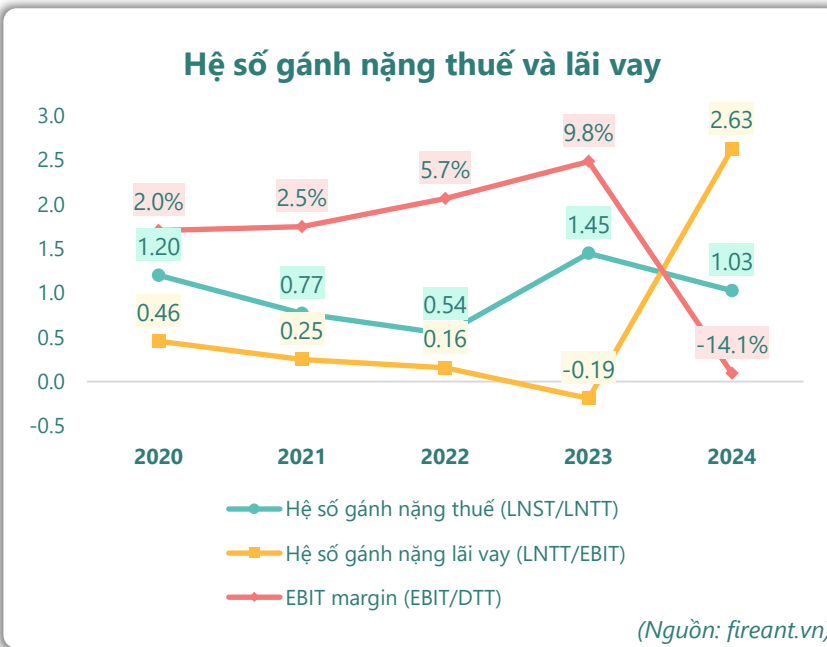
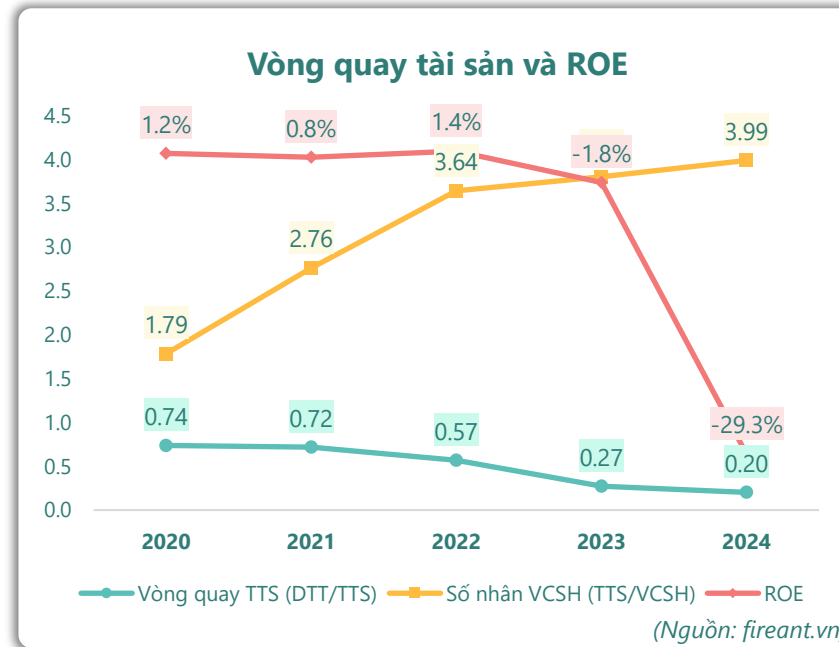
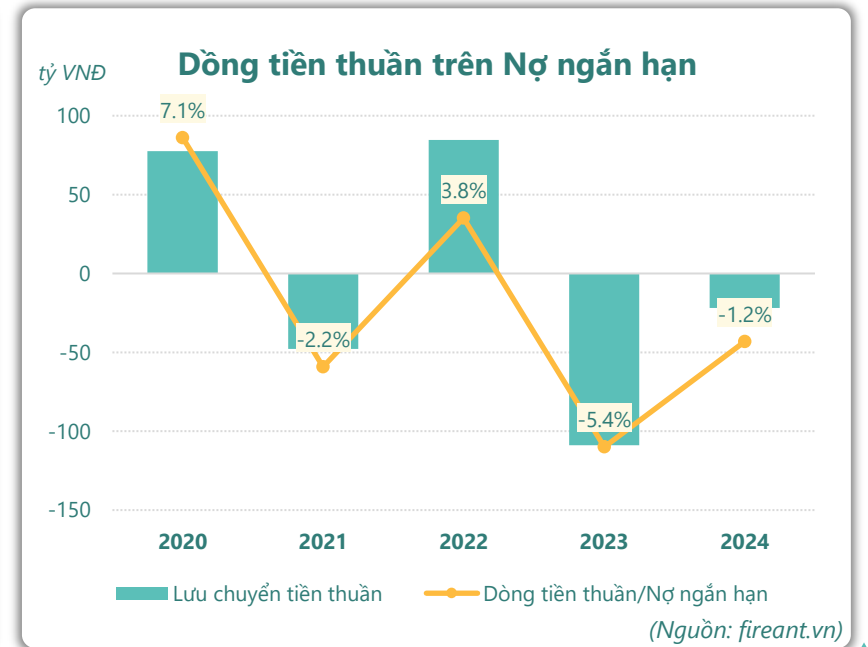
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	76.2	147	-48.2%	142	312	-54.4%
Giá vốn hàng bán	106	135	-21.8%	155	264	-41.4%
Lợi nhuận gộp	-29.4	11.9	-347%	-12.6	47.4	-127%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.29	-86.4%	0.10	0.79	-87.8%
Chi phí TC	38.5	71.9	-46.5%	69.1	95.5	-27.6%
Chi phí lãi vay	34.3	69.2	-50.5%	64.7	92.8	-30.3%
LN trong công ty LKLD	-0.14	0.12	-214%	-0.06	0.24	-124%
Chi phí bán hàng	0	0.08	-100%	0.16	0.09	93.4%
Chi phí QLDN	8.90	12.8	-30.4%	18.3	23.4	-21.8%
LN thuần từ HĐKD	-76.9	-72.5	-6.1%	-100	-70.5	-42.1%
Lợi nhuận khác	-1.21	0.40	-403%	-1.37	0.12	-1286%
LN trước thuế	-78.1	-72.1	-8.4%	-102	-70.4	-44.3%
Lợi nhuận sau thuế	-81.3	-72.4	-12.3%	-105	-70.9	-47.8%
LNST của CĐ cty mẹ	-66.1	-70.1	5.7%	-88.3	-67.6	-30.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.4	-47.2	68.3	-12.0	-5.96	-16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.52	4.24	71.1	70.4	0.05	-0.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.9	35.6	-135	-56.2	6.41	18.7
Tiền đầu kỳ	49.9	28.9	21.6	26.0	28.1	28.6
Lưu chuyển tiền thuần	-21.0	-7.33	4.42	2.15	0.51	1.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	28.9	21.6	26.0	28.1	28.6	30.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,149	3,181	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	1,550	1,563	-0.8%
Tiền và tương đương tiền	30.2	28.1	7.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	9.12	-100.0%
Phải thu ngắn hạn	1,003	1,005	-0.2%
Hàng tồn kho	376	380	-1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	141	141	0.0%
Tài sản dài hạn	1,599	1,617	-1.1%
Phải thu dài hạn	7.27	7.27	0.0%
Tài sản cố định	732	762	-3.9%
Bất động sản đầu tư	102	102	0.0%
Tài sản dở dang	689	672	2.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.6	39.7	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	29.9	34.5	-13.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,523	2,449	3.0%
Nợ ngắn hạn	1,944	1,868	4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,060	1,031	2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	365	364	0.1%
Nợ dài hạn	579	581	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	541	543	-0.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	627	732	-14.3%
Vốn chủ sở hữu	627	732	-14.3%
Vốn điều lệ	904	904	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

